

#### 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 10.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải: 1 dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận	
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số Kp=1 và Kv=1	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	-	70
2	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-
3	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	-
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	-
6	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-

- Vị trí, phương thức xả khí thải:
  - + Vị trí xả thải: ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Tọa độ vị trí xả khí thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực là 105.45'): X(m): 591.578  
Y(m): 1.214.616
  - + Phương thức xả khí thải: cưỡng bức, xả thải qua ống thải.

#### 4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có)

- Nguồn phát sinh: tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động sản xuất, các loại máy móc thiết bị khi vận hành, từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: trong quá trình hoạt động sản xuất, Cơ sở đảm bảo tuân thủ các giới hạn về tiếng ồn, độ rung như sau:
  - + QCVN 24/2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
  - + QCVN 27/2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – mức tiếp xúc cho phép độ rung tại nơi làm việc.

**CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.**

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần. Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên trong Quý 3 không lấy được mẫu.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

**Bảng 5.1. Thống kê vị trí quan trắc nước thải**

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
1	Khu vực 1	NT01	20/03/2021	Nước thải đầu vào hồ thu gom
			10/06/2021	
			26/10/2021	
2	Khu vực 2	NT02	20/03/2021	Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải
			10/06/2021	
			26/10/2021	
3	Khu vực 3	NT03	20/03/2021	Nước thải tại hồ ga đầu nổi
			10/06/2021	
			26/10/2021	

- Thông số quan trắc:

**Bảng 5.2. Danh mục thông số quan trắc**

STT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
<b>Nước thải sinh hoạt</b>		
1.	pH	<b>QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp</b>
2.	TSS	
3.	BOD <sub>5</sub>	
4.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	
5.	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	
6.	Nitrat (tính theo N)	
7.	Amoni (tính theo N)	
8.	Phosphat	
9.	Dầu mỡ động, thực vật	
10.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	
11.	Tổng Coliform	

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

**Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải**

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số										
		pH	TSS (mg/l)	BOD <sub>5</sub> (mg/l)	TDS (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Dầu mỡ động, thực vật (mg/l)	Tổng các chất hoạt động bề mặt (mg/l)	Photphat (mg/l)	Amoni (mg/l)	Sunfua (mg/l)	Tổng Coliform (MPN/100ml)
1	NT01	6,22	48	30	396	11,5	2,1	0,65	1,19	7,86	1,11	7.000
		6,21	47	32	385	10,2	2,1	0,61	1,12	7,86	0,97	6.000
		6,18	54	39	426	12,7	2,9	0,76	1,25	8,12	1,06	6.300
2	NT02	6,68	15	16	127	2,85	1,0	0,073	0,28	0,86	0,063	2.300
		6,72	27	23	156	3,95	1,2	0,091	0,43	1,12	0,085	2.300
		6,79	18	21	148	3,57	1,1	0,086	0,35	1,04	0,076	2.100
3	NT03	6,50	14	20	156	2,94	1,1	0,08	0,53	0,80	0,072	2.000
		6,63	27	19	134	2,95	1,1	0,09	0,53	0,75	0,081	2.100
		6,54	24	23	172	3,14	1,5	0,11	0,62	0,98	0,090	2.600
<b>QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)</b>		<b>6-9</b>	<b>50</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>20</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>0,2</b>	<b>3.000</b>

Nguồn: Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động

Nhận xét:

Kết quả quan trắc nước thải khi qua hệ thống xử lý nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A).

## 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần. Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên trong Quý 3 không lấy được mẫu.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

**Bảng 5.4. Thống kê vị trí, điểm quan trắc khí thải**

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
<b>I. Khí thải tại nguồn</b>						
1	Ống khói lò hơi	KT1	20/03/2021	-	-	
			10/06/2021	-	-	
			26/10/2021	-	-	

- Thông số quan trắc:

**Bảng 5.5. Danh mục thông số quan trắc chất lượng không khí**

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Theo QCVN
1.	Tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT
2.	Lưu lượng	QCVN 19:2009/BTNMT
3.	Bụi	
4.	CO	
5.	SO <sub>2</sub>	
6.	NO <sub>x</sub>	

- Kết quả quan trắc:

**Bảng 5.6. Kết quả quan trắc khí thải tại nguồn**

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhiệt độ	Cường độ ồn	Lưu lượng	Bụi	CO	SO <sub>2</sub>	NO <sub>x</sub>
Đơn vị			( <sup>0</sup> C)	(dBA)	P (m <sup>3</sup> /h)	(mg/Nm <sup>3</sup> )			
1	KT1	243-03/21-5.26/KQPT	110	66	6.795	95	463,5	56,8	60,5
		542-06/21-4.43/KQPT	91	66	6.750	94	385,5	40,2	59,6
		739-10/21-2.2/KQPT	98	68	6.820	116	493,8	46,8	69,2
<b>QCVN 26:2010/BTNMT</b>			-	<b>70</b>	-	-	-	-	-
<b>QCVN 19:2019/BTNMT, cột B</b>			-	-	-	<b>200</b>	<b>1.000</b>	<b>500</b>	<b>850</b>

Nguồn: Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn vệ sinh lao động

- Nhận xét:

Kết quả quan trắc chất lượng khí thải tại nguồn trong nhà máy đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 19:2019/BTNMT (cột B).

**CHƯƠNG 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải****6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Hiện tại, hệ thống xử lý khí thải lò hơi với nguyên liệu đốt là củi và vải vụn từ quá trình sản xuất vẫn chưa được lắp đặt. Sau khi có giấy phép môi trường và được sự chấp thuận của cơ quan cấp phép – Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM, Công ty sẽ tiến hành lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Thời gian dự kiến lắp đặt: trong tháng 11/2022.

Sau khi lắp đặt xong, Công ty sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Nhà máy.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Nhà máy như sau:

**Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải**

STT	Công trình xử lý chất thải	Công suất dự kiến đạt được	Quy trình xử lý	Thời gian dự kiến VHTN	
				Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	HTXLKT lò hơi	10.000 m <sup>3</sup> /h	Khí thải lò hơi → Thiết bị trao đổi nhiệt và lọc bụi → Tháp hấp thụ → Rửa khí và lọc bụi → Ống khói	11/2022	12/2022

**6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022, Cơ sở thuộc Dự án nhóm C, không thuộc đối tượng quy định tại cột 3, phụ lục 2, ban hành theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, do đó, kế hoạch chi tiết về thời gian lấy mẫu và phân tích các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường do chủ cơ sở tự quyết định và được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải**

<b>Vị trí thu mẫu</b>	<b>Thông số</b>	<b>Thời gian đo đạc</b>	<b>Tần suất lấy mẫu</b>
<b>HTXL khí thải lò hơi công suất 10.000 m<sup>3</sup>/h</b>			
<i>1. Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý</i>			
HTXL khí thải lò hơi	Bụi, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub> và tiếng ồn, lưu lượng khí thải	1 ngày/mẫu tổ hợp/hệ thống	15 ngày/lần (thực hiện trong vòng 45 ngày): + Lần thứ 1: 15 ngày sau khi bắt đầu vận hành thử nghiệm + Lần thứ 2: 15 ngày sau lần thứ 1 + Lần thứ 3: 15 ngày sau lần thứ 2
<i>2. Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý</i>			
HTXL khí thải lò hơi	Bụi, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub> và tiếng ồn, lưu lượng khí thải	1 ngày/1 lần	3 ngày liên tiếp: + Lần thứ 1: ngày đầu tiên sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (lấy 1 mẫu đầu ra) + Lần thứ 2: ngày tiếp theo lần thứ 1 (lấy 1 mẫu đầu ra) + Lần thứ 3: ngày tiếp theo lần thứ 2 (lấy 1 mẫu đầu ra)

### **6.1.3. Tổ chức có điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch**

- Tên đơn vị:

**Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động  
(Coshet)**

- Đại diện pháp luật: Bà Phạm Thị Loan

Chức vụ: Giám đốc

- Trụ sở chính: 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Tp.HCM
- Điện thoại: 028 3868 0842 Fax: 028 3868 0869
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 226/ĐK-KHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Tp.HCM cấp ngày 2/2/2010.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 026/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/9/2020.
- Được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường tại Quyết định số 2045/QĐ-BTNMT ngày 16/9/2020 với số hiệu VIMCERTS 026.

## **6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật**

### **6.2.1. Nước thải**

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí: Hồ ga đầu nổi nước thải.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Nitrat (tính theo N), Amoni (tính theo N), Phosphat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliform.
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột A).

### **6.2.2. Khí thải**

Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, tổng lưu lượng bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở < 50.000m<sup>3</sup>/giờ do đó cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ.

### **6.2.3. Chất thải rắn**

#### **a) Chất thải rắn sinh hoạt**

- Vị trí giám sát: khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: chủng loại, khối lượng, cách thức lưu trữ, hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

#### **b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Vị trí giám sát: kho chứa CTR CNTT.



- Thông số giám sát: chủng loại, khối lượng, cách thức lưu trữ, hợp đồng thu gom CTR CNTT.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

**c) Chất thải nguy hại**

- Vị trí giám sát: kho chứa CTNH.
- Thông số giám sát: chủng loại, khối lượng, cách thức lưu trữ, hợp đồng thu gom CTNH, liên chứng từ thu gom CTNH.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

**6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Chủ đầu tư sẽ dành một khoản kinh phí cho việc quan trắc môi trường hằng năm, kinh phí cụ thể như bảng 6.3.

**Bảng 6.3. Bảng tổng kinh phí quan trắc môi trường (tính cho 1 năm)**

TT	Chi phí giám sát môi trường	Số mẫu	Tần suất	Kinh phí (đồng/năm)
1	Chất lượng nước thải	3	2 lần/năm	15.000.000
2	Lập báo cáo	-	1 lần/năm	5.000.000
3	Thu gom và giao xử lý Chất thải	-	Thường xuyên	50.000.000
	<b>Tổng</b>			<b>70.000.000</b>

Như vậy, tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường là 70.000.000 đồng/năm.

## CHƯƠNG 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

### (1)

- Biên bản kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường ngày 23/04/2019 của Phòng Cảnh sát Môi trường Tp.HCM đối với Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam.

- Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam số 3069/QĐ-XPVPHC ngày 23/07/2019 của UBND Tp.HCM.

*(Biên bản và quyết định xử phạt đính kèm phụ lục)*

Biện pháp khắc phục hậu quả: Công ty cải tạo hệ thống xử lý nước thải, khí thải, đảm bảo toàn bộ nước thải, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trước khi thải ra môi trường.

### (2)

- Biên bản vi phạm hành chính về Bảo vệ môi trường số 129/BB-VPHC ngày 21/05/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Củ Chi đối với Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam.

- Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với Công ty TNHH May mặc xuất khẩu Impulse Fashion Việt Nam số 3116/QĐ-XPVPHC ngày 22/05/2020 của UBND huyện Củ Chi.

*(Biên bản và quyết định xử phạt đính kèm phụ lục)*

Biện pháp khắc phục hậu quả: Công ty cải tạo hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trước khi thải ra môi trường.

## **CHƯƠNG 8. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam. Việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong báo cáo đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40 – 2011/BTNMT, Cột A trước khi thải ra hệ thống cống thoát nước thải của tuyến đường 126, ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Tp. HCM.
- Khí thải tại nguồn (khí thải lò hơi) sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép QCVN 19:2019/BTNMT (cột B).
- Hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải được tách rời riêng biệt.
- Quản lý chất thải rắn theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng cho thuê nhà xưởng;
- Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải;
- Bản vẽ thiết kế sơ bộ hệ thống xử lý khí thải;
- Biên bản nghiệm thu bàn giao hệ thống xử lý nước thải;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Hóa đơn tiền nước 8 tháng gần nhất;
- Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, CTR CNTT, CTNH; Chứng từ CTNH;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Biên bản và quyết định xử phạt hành chính trong 02 năm gần nhất;
- Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường.